**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI TỐT NGHIỆP**

**LỚP: BÌNH DƯƠNG K3, KHÓA 17 NTT**

**MÔN: LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**A. GIẢNG VIÊN HỆ THỐNG, RA ĐỀ**

1. **Bình Dương Khóa 3**
* Giảng viên hệ thống: TS. Võ Thị Kim Oanh
1. **Khóa 17 NTT**
* Giảng viên hệ thống: TS. Lê Huỳnh Tấn Duy

**B. THÔNG TIN VỀ MÔN THI**

* Thời gian làm bài: 90 phút
* Học viên được sử dụng Văn bản pháp luật

**C. TÀI LIỆU ÔN TẬP**

* Văn bản pháp luật: **BLTTHS năm 2015**; BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); văn bản hướng dẫn thi hành BLTTHS
* Giáo trình luật tố tụng hình sự trường Đại học luật TP.HCM năm 2015
* **Tài liệu hướng dẫn học tập môn luật tố tụng hình sự năm 2017**
* **Đề cương ôn tập thi tốt nghiệp**

**D. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**HỌC PHẦN 1.**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**BÀI 1. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật TTHS: xác định những QHXH xuất hiện trong quá trình TTHS nhưng không thuộc đối tượng điều chỉnh của ngành luật này
2. Quan hệ pháp luật tố tụng hình sự: chú ý phần đặc điểm, thời điểm xuất hiện
3. Một số nguyên tắc cơ bản của luật TTHS: mỗi nguyên tắc khi phân tích thường có 04 vấn đề (**cơ sở lý luận, nội dung,** điều kiện đảm bảo thực hiện, ý nghĩa)
* Nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13);
* Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án (Điều 15);
* Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 16);
* Nguyên tắc Thẩm phám, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (Điều 23);
* Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26).

**BÀI 2. CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG VÀ NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG**

1. Cơ quan tiến hành tố tụng: cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra, Viện kiển sát, Tòa án trong tố tụng hình sự
2. Người tiến hành tố tụng: nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng nhóm người THTT (Điều 36 đến 48)
3. Việc thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: trường hợp thay đổi, quyền đề nghị thay đổi, thẩm quyền, thủ tục thay đổi (Điều 49 đến 54).
4. Người tham gia tố tụng:
* Khái niệm (phân biệt những tư cách tham gia tố tụng dễ nhầm lẫn)
* Địa vị pháp lý của những người tham gia tố tụng: so sánh, chú ý một số quyền đặc thù
* Các trường hợp không được tham gia tố tụng đối với một số tư cách nhất định (người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch,…)

**BÀI 3. CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

1. Khái niệm, các thuộc tính của chứng cứ trong tố tụng hình sự (Điều 86)
2. Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng hình sự (chú ý những chủ thể có nghĩa vụ chứng minh)
3. Quá trình chứng minh: thẩm quyền thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ (Điều 88, 108)
4. Nguồn chứng cứ: phân biệt với chứng cứ, xác định được tên gọi, đặc điểm các loại nguồn (Điều 87, 89 – 107)

**BÀI 4. BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

1. Khái niệm BPNC trong tố tụng hình sự (chủ thể có thẩm quyền áp dụng, đối tượng áp dụng)
2. Các BPNC cụ thể: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Bắt người; Tạm giữ; Tạm giam; Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bảo lĩnh; Đặt tiền để đảm bảo; Tạm hoãn xuất cảnh
* Đối với từng BPNC chú ý: điều kiện, trường hợp, căn cứ; đối tượng; thẩm quyền; thủ tục, thời hạn áp dụng; hủy bỏ hoặc thay thế (Điều 110 – 125)
1. Biện pháp cưỡng chế: tên gọi, đối tượng, trường hợp, thẩm quyền và thủ tục áp dụng

**HỌC PHẦN 2.**

**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**BÀI 5. KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ**

1. Khái niệm, nhiệm vụ của khởi tố vụ án hình sự: **thời điểm mở đầu và kết thúc,** chủ thể, hoạt động tố tụng, **quyết định tố tụng đặc trưng**
2. Phân biệt cơ sở và căn cứ KTVAHS (Điều 143)
3. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự (Điều 153: xác định đúng những cơ quan có thẩm quyền này; cách giải quyết của VKS khi phát hiện quyết định KTVAHS không có căn cứ và trái pháp luật)
4. Khởi tố VAHS theo yêu cầu người bị hại (Điều 155: chú ý những tội danh thuộc trường hợp này, cách xử lý khi rút yêu cầu)
5. Căn cứ không KTVAHS (**Điều 157**: **rất quan trọng** vì có thể xuất hiện trong nhiều giai đoạn tố tụng sau này, sử dụng giải bài tập tình huống)
6. Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự (Điều 161)

**BÀI 6. ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ**

1. Khái niệm, nhiệm vụ của giai đoạn điều tra: **thời điểm mở đầu và kết thúc,** chủ thể, hoạt động tố tụng, **quyết định tố tụng đặc trưng**
2. Thẩm quyền điều tra và những quy định chung về điều tra
3. Các hoạt động điều tra: thời điểm tiến hành, người tiến hành, người có mặt, thủ tục (chú ý những hoạt động có thể tiến hành trước khi có quyết định KTVAHS (khoản 3 Điều 147); những hoạt động cần VKS phê chuẩn trước khi thi hành)
4. Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra (sử dụng giải bài tập tình huống: **Điều 229 – 235**)
* Điều 229: tạm đình chỉ điều tra
* Điều 230: đình chỉ điều tra

**BÀI 7. TRUY TỐ**

1. Khái niệm, nhiệm vụ của giai đoạn truy tố: **thời điểm mở đầu và kết thúc,** chủ thể, hoạt động tố tụng, **quyết định tố tụng đặc trưng**
2. **Các quyết định** của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố (sử dụng giải bài tập tình huống)
* Điều 243: cáo trạng
* Điều 245: trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung
* Điều 246, 284: giải quyết yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án
* Điều 247: tạm đình chỉ vụ án
* Điều 248: đình chỉ vụ án

**BÀI 8. XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ**

1. Khái niệm, nhiệm vụ của giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (chú ý có hai bước: chuẩn bị XXST và phiên tòa XXST): **thời điểm mở đầu và kết thúc,** chủ thể, hoạt động tố tụng, **quyết định tố tụng đặc trưng** trong từng bước
2. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; chuyển vụ án (tiêu chí phân định thẩm quyền: Điều 268 – 274)
3. **Chuẩn bị xét xử sơ thẩm** vụ án hình sự (các quyết định của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa)
* Điều 255: quyết định đưa vụ án ra xét xử
* Điều 280: trả hồ sơ để điều tra bổ sung
* Điều 281: tạm đình chỉ vụ án
* Điều 282: đình chỉ vụ án
1. Những quy định chung tại phiên tòa sơ thẩm:
* Xử lý trường hợp người THTT, người TGTT vắng mặt
* Giới hạn XXST (**Điều 298**)
* Rút quyết định truy tố của VKS (thời điểm, phạm vi rút, **cách giải quyết**)

**BÀI 9. XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ**

1. Tính chất của phúc thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị (**chủ thể, phạm vi kháng cáo, kháng nghị**)
2. Những quy định chung về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự: Điều 348 (đình chỉ xét xử phúc thẩm)
3. **Thẩm quyền** của Tòa án cấp phúc thẩm đối với **bản án** sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị (sử dụng giải bài tập tình huống)
* Khoản 1 Điều 355: thẩm quyền chung
* Điều 357: sửa bản án sơ thẩm
* Điều 358: hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại
* Điều 359: hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

**BÀI 10. GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ**

1. Tính chất và **căn cứ kháng nghị** giám đốc thẩm, tái thẩm (Điều 370/397)
2. Những quy định chung về giám đốc thẩm, tái thẩm (thẩm quyền kháng nghị, thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm: Điều 373/400, 382)
3. Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị (Điều 381)
4. Thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm(sử dụng giải bài tập tình huống)
* Điều 388/402: thẩm quyền chung
* Điều 390: Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm bị hủy, sửa không đúng pháp luật
* Điều 391: hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại
* Điều 392: hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án

**BÀI 11. THỦ TỤC ĐẶC BIỆT TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

1. Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng)
* Người dưới 18 tuổi tại thời điểm tiến hành các hoạt động tố tụng
* Biện pháp ngăn chặn (Điều 419)
* Điều tra (Điều 421)
* Bào chữa (Điều 422)
* Xét xử (Điều 423)
1. Thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự
* Phạm vi, điều kiện, thẩm quyền (Điều 455 – 457)
* Các thủ tục, văn bản tố tụng được lược bỏ (Điều 460 – 465)
* Trường hợp trở lại sử dụng thủ tục chung (Điều 458)